

Số: *101* -2021/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2020**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 15/05/2020.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng **56,96%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng hoạt động khai thác cảng tăng 14%, hoạt động tàu tăng 48%.
- Giá cước vận chuyển đường biển tăng, giá dầu nhiên liệu giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Thanh Hải*

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2020



**Tổng Giám đốc**

**Vũ Thanh Hải**

**Trưởng phòng tài chính kế toán**

**Trần Thị Thanh Hảo**

*Hà Nội, tháng 01 năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>694,951,524,534</b>	<b>664,754,010,138</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>221,024,298,549</b>	<b>243,326,890,100</b>
1. Tiền	111		120,844,888,520	118,294,170,323
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,179,410,029	125,032,719,777
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>79,993,231,056</b>	<b>51,981,363,014</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	79,993,231,056	51,981,363,014
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>307,576,580,013</b>	<b>267,343,034,818</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	147,333,799,623	117,897,225,787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,218,431,965	27,299,869,009
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	20,000,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	133,449,815,135	123,210,836,378
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,425,466,710)	(1,064,896,356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>45,700,049,216</b>	<b>53,198,489,706</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	45,700,049,216	53,198,489,706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40,657,365,700</b>	<b>48,904,232,500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5,561,801,928	4,223,426,408
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35,095,563,772	44,680,806,092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,399,599,754,011</b>	<b>1,162,790,192,860</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>10,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-	10,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,098,459,058,012</b>	<b>854,670,089,064</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1,075,082,450,678	850,300,321,404
<i>Nguyên giá</i>	222		1,784,984,241,833	1,419,105,679,781
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(709,901,791,155)	(568,805,358,377)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	20,759,018,477	-
<i>Nguyên giá</i>	225		25,419,206,295	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4,660,187,818)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2,617,588,857	4,369,767,660
<i>Nguyên giá</i>	228		11,754,927,885	11,754,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,137,339,028)	(7,385,160,225)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>667,181,817</b>	<b>11,702,435,197</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	667,181,817	11,702,435,197
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50,448,750,968</b>	<b>44,474,068,209</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	39,997,884,468	34,023,201,709
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10,450,866,500	10,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>250,024,763,214</b>	<b>251,933,600,390</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	250,024,763,214	251,933,600,390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,094,551,278,545</b>	<b>1,827,544,202,998</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>758,754,665,369</b>	<b>572,861,976,118</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>320,362,315,214</b>	<b>285,902,315,289</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	85,352,356,262	99,823,206,611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1,037,014,948	638,338,680
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16,649,110,525	12,145,971,653
4. Phải trả người lao động	314		19,511,984,916	17,203,459,004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	10,549,642,232	5,859,543,849
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	1,933,281,383	1,956,766,916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	45,992,688,083	42,312,468,857
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	111,326,082,508	83,593,297,362
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	25,361,811,647	19,720,919,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>438,392,350,155</b>	<b>286,959,660,829</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	90,000,000,000	50,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	348,392,350,155	236,959,660,829
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,335,796,613,176</b>	<b>1,254,682,226,880</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>1,335,796,613,176</b>	<b>1,254,682,226,880</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,606,612,922	115,606,612,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22,905,485,178)	(14,920,919,678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235,778,070,809	206,901,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		252,444,167,285	200,523,678,148
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114,147,880,148	200,523,678,148
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		138,296,287,137	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		267,045,737,338	258,744,274,679
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,094,551,278,545</b>	<b>1,827,544,202,998</b>

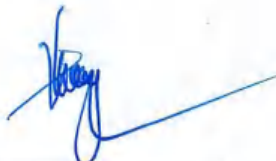
Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào



Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV**  
(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	361,721,997,498	301,631,357,753	1,191,667,202,379	1,108,933,049,361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		361,721,997,498	301,631,357,753	1,191,667,202,379	1,108,933,049,361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	281,112,049,533	245,730,300,910	952,285,475,767	889,647,403,512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80,609,947,965	55,901,056,843	239,381,726,612	219,285,645,849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,860,868,220	2,835,586,558	17,076,054,339	15,447,852,651
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,230,098,539	4,950,033,559	24,794,595,711	17,355,030,825
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,080,431,603	5,062,562,358	23,451,710,381	17,035,078,178
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2,943,082,381	1,849,921,474	5,974,682,759	3,056,485,639
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16,971,439,367	19,381,981,496	67,886,331,138	67,209,162,972
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63,212,360,660	36,254,549,820	169,751,536,861	153,225,790,342
12. Thu nhập khác	31	VI.6	517,014,228	1,084,110,793	1,228,908,883	3,601,203,070
13. Chi phí khác	32	VI.7	36,368,944	566,881,363	820,951,042	724,380,661
14. Lợi nhuận khác	40		480,645,284	517,229,430	407,957,841	2,876,822,409
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63,693,005,944	36,771,779,250	170,159,494,702	156,102,612,751
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8,953,768,799	5,412,848,390	23,561,744,906	23,364,083,090
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54,739,237,145	31,358,930,860	146,597,749,796	132,738,529,661
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		49,585,960,914	31,590,671,126	138,296,287,137	121,378,387,528
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5,153,276,231	(231,740,266)	8,301,462,659	11,360,142,133
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	989	609	2,734	2,348
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	989	609	2,734	2,348

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		170,159,494,702	156,102,612,751
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		137,201,480,785	116,852,289,217
- Các khoản dự phòng	03		360,570,354	358,973,532
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	153,465,822	19,136,700
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,670,597,165)	(14,691,764,984)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23,451,710,381	17,035,078,178
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		318,656,124,879	275,676,325,394
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34,433,039,209)	(24,335,946,689)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7,498,440,490	(18,218,535,872)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		43,399,735,038	46,339,678,234
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30,728,425,678)	(43,528,718,235)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21,979,186,606)	(16,702,690,751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(23,501,449,118)	(26,127,401,167)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(4,465,108,000)	(8,941,743,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>254,447,091,796</b>	<b>184,160,967,914</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(326,963,627,633)	(197,767,023,014)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3,891,272,726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(48,011,868,042)	(38,481,363,014)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	(294,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1,803,100,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,081,264,024	11,343,108,119
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(360,894,231,651)</b>	<b>(219,504,905,183)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7,984,565,500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	270,709,847,874	185,287,410,295
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(128,824,895,736)	(106,346,905,689)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,111,747,493)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(47,392,798,000)	(72,314,547,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>84,395,841,145</b>	<b>6,625,957,606</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(22,051,298,710)</b>	<b>(28,717,979,663)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>243,326,890,100</b>	<b>272,125,233,675</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(251,292,841)	(80,363,912)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>221,024,298,549</b>	<b>243,326,890,100</b>

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36,89%	36,89%	36,89%	36,89%

(\*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 404 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 338 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm

### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

## **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

## **11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

### **12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

### **13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

#### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **16. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3,067,339,993	2,958,232,290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117,777,548,527	115,335,938,033
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	100,179,410,029	125,032,719,777
<b>Cộng</b>	<b>221,024,298,549</b>	<b>243,326,890,100</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An <sup>(i)</sup>	12,500,000,000	17,695,869,384	30,195,869,384	12,500,000,000	16,114,715,961	28,614,715,961
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (ii)	1,494,000,000	8,308,015,084	9,802,015,084	1,494,000,000	3,914,485,748	5,408,485,748
<b>Cộng</b>	<b>13,994,000,000</b>	<b>26,003,884,468</b>	<b>39,997,884,468</b>	<b>13,994,000,000</b>	<b>20,029,201,709</b>	<b>34,023,201,709</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu) để nâng số cổ phần sở hữu lên 149.400 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ, không thay đổi so với đầu năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	28,614,715,961	3,456,153,423	(1,875,000,000)	30,195,869,384
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5,408,485,748	5,140,529,336	(747,000,000)	9,802,015,084
<b>Cộng</b>	<b>34,023,201,709</b>	<b>8,596,682,759</b>	<b>(2,622,000,000)</b>	<b>39,997,884,468</b>

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	28,028,317,850	18,765,693,145
Sử dụng dịch vụ đại lý	4,775,917,144	4,589,157,893
Chi trả lợi nhuận BCC năm 2019	2,194,760,692	
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1,875,000,000	1,875,000,000
Nhận góp vốn BCC	10,000,000,000	
Thanh lý khoản đầu tư cho công ty liên kết		1,803,100,000
<b><i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i></b>		
Góp vốn vào Công ty liên kết		294,000,000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	117,027,363,513	81,456,610,663
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	19,022,482,474	4,042,473,827
Nhận góp vốn BCC	5,000,000,000	5,000,000,000
Chi trả lợi nhuận BCC năm 2019	300,438,610	
Công ty liên kết chia lợi nhuận	747,000,000	

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>10.450.866.500</b>	<b>-</b>	<b>10.450.866.500</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0105430472 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 10.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

#### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>38,824,572,871</b>	<b>30,415,636,726</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	26,185,367,298	18,264,644,398
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6,013,434,148	4,193,957,248
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	10,665,289	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	647,396,950	661,078,545
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5,907,495,186	7,290,556,535
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	60,214,000	5,400,000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>108,509,226,752</b>	<b>87,481,589,061</b>
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	6,509,709,713	2,531,538,730
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	11,497,086,360	12,509,020,279
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	6,479,989,580	
Các khách hàng khác	84,022,441,099	72,441,030,052
<b>Cộng</b>	<b>147,333,799,623</b>	<b>117,897,225,787</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>8,218,431,965</b>	<b>27,299,869,009</b>
WARTSILA SERVICES SWITZERLAND LTD		3,483,732,014
Công ty TNHH TM Tân Hồng		21,494,850,000
Bida Shipping Services Co., Ltd		852,058,533
Alfa Laval Singapore Pte Ltd	2,698,889,490	
Hongda Ocean Shipping Supply Co., Ltd	939,931,217	
Các nhà cung cấp khác	4,579,611,258	1,469,228,462
<b>Cộng</b>	<b>8,218,431,965</b>	<b>27,299,869,009</b>

### 5. Phải về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>147,055,385</b>	<b>138,601,903</b>
Các khoản chi hộ	147,055,385	138,601,903
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>133,302,759,750</b>	<b>123,072,234,475</b>
Lãi tiền gửi dự thu	99,889,315	1,510,556,174
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	112,423,676,376	92,763,292,500
Ký cược, ký quỹ	653,518,076	24,114,986,820
Tạm ứng	920,330,120	801,180,000
Tạm tính doanh thu	19,102,237,888	3,418,754,420
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	103,107,975	463,464,561
<b>Cộng</b>	<b>133,449,815,135</b>	<b>123,210,836,378</b>

(\*) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m2 theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

**7. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>						
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	-	<b>1,968,464,319</b>	<b>542,997,609</b>	-	<b>1,968,464,319</b>	<b>903,567,963</b>
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486		3 năm	65,089,486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126		3 năm	99,744,126	
Navigator Marine Corp	dưới 3 năm	1,803,630,707	542,997,609		1,803,630,707	903,567,963
<b>Cộng</b>		<b>1,968,464,319</b>	<b>542,997,609</b>		<b>1,968,464,319</b>	<b>903,567,963</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1,064,896,356	705,922,824
Trích lập dự phòng bổ sung	360,570,354	358,973,532
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>1,425,466,710</b>	<b>1,064,896,356</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45,661,518,307		53,084,622,433	
Công cụ, dụng cụ	38,530,909		113,867,273	
<b>Cộng</b>	<b>45,700,049,216</b>		<b>53,198,489,706</b>	

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	2,117,784,219	1,729,027,259
Chi phí dầu nhờn	2,101,941,748	2,200,822,080
Công cụ dụng cụ	892,402,778	103,758,407
Phí đường bộ	89,464,000	85,872,000
Chi phí thuê văn phòng	64,000,000	64,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	296,209,183	39,946,662
<b>Cộng</b>	<b>5,561,801,928</b>	<b>4,223,426,408</b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	9,200,511,300	536,562,224
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	573,718,591	7,458,341,659
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	4,265,759,662	9,384,671,266
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	3,387,910,883	9,195,758,111
Chi phí lên đà tàu Hải An Link	10,513,215,531	
Công cụ dụng cụ	4,351,122,291	1,960,526,442
Tiền thuê đất	217,347,219,672	223,104,056,304
Bản quyền phần mềm	-	47,497,230
Chi phí trả trước dài hạn khác	385,305,284	246,187,154
<b>Cộng</b>	<b>250,024,763,214</b>	<b>251,933,600,390</b>

- (\*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m<sup>2</sup> trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059, tiền thuê đã được thanh toán toàn bộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	279,639,209,149	296,669,497,863	800,123,643,344	3,319,955,207	39,353,374,218	1,419,105,679,781
Mua trong năm, đầu tư XD/CB hoàn thành	176,069,717,263	22,543,384,111	165,885,937,623	1,379,523,055	-	365,878,562,052
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>455,708,926,412</b>	<b>319,212,881,974</b>	<b>966,009,580,967</b>	<b>4,699,478,262</b>	<b>39,353,374,218</b>	<b>1,784,984,241,833</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	123,979,328,592	212,601,225,226	221,748,943,711	2,058,710,854	8,417,149,994	568,805,358,377
Khấu hao trong năm	20,677,700,141	32,288,137,982	83,706,567,355	432,975,657	3,991,051,643	141,096,432,778
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>144,657,028,733</b>	<b>244,889,363,208</b>	<b>305,455,511,066</b>	<b>2,491,686,511</b>	<b>12,408,201,637</b>	<b>709,901,791,155</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	155,659,880,557	84,068,272,637	578,374,699,633	1,261,244,353	30,936,224,224	850,300,321,404
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>311,051,897,679</b>	<b>74,323,518,766</b>	<b>660,554,069,901</b>	<b>2,207,791,751</b>	<b>26,945,172,581</b>	<b>1,075,082,450,678</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là lô 300 container 40HC được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) thuê của Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong kỳ	25,419,206,295	-	25,419,206,295
Khấu hao trong kỳ	-	(4,660,187,818)	(4,660,187,818)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25,419,206,295</b>	<b>(4,660,187,818)</b>	<b>20,759,018,477</b>

#### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4,945,015,236	6,809,912,649	11,754,927,885
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4,945,015,236</b>	<b>6,809,912,649</b>	<b>11,754,927,885</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2,250,218,013	5,134,942,212	7,385,160,225
Khấu hao trong năm	141,286,152	1,610,892,651	1,752,178,803
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2,391,504,165</b>	<b>6,745,834,863</b>	<b>9,137,339,028</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2,694,797,223	1,674,970,437	4,369,767,660
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2,553,511,071</b>	<b>64,077,786</b>	<b>2,617,588,857</b>

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11,152,632,790	203,786,887,068	(214,371,792,586)	-	567,727,272
Xây dựng cơ bản dở dang	435,454,545	153,581,065,353	(146,859,756,263)	(7,066,309,090)	90,454,545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	114,347,862	24,127,230,382	-	(24,232,578,244)	9,000,000
<b>Cộng</b>	<b>11,702,435,197</b>	<b>381,495,182,803</b>	<b>(361,231,548,849)</b>	<b>(31,298,887,334)</b>	<b>667,181,817</b>

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>20,669,739,172</b>	<b>10,330,115,861</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	9,170,954,744	1,281,250,193
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1,754,704,993	1,604,994,027
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	-	443,596,031
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	63,365,729	423,691,560
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	3,810,048,172	2,916,537,266
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	1,756,712,000	99,660,000

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	4,113,953,534	3,560,386,784
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>64,682,617,090</b>	<b>89,493,090,750</b>
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 ( Cảng VICT )	7,847,896,035	8,571,196,122
Triton Container International Limited-Colle	2,292,823,903	2,385,083,104
Cockett Marine Oil (Asia) Pte Ltd	-	9,170,207,433
PT INDOFUELS LIMITED	7,447,818,889	10,870,726,364
BMS United Bunkers (Asia) Limited	7,969,273,754	13,569,819,367
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	1,013,460,000	-
Các nhà cung cấp khác	38,111,344,509	44,926,058,360
<b>Cộng</b>	<b>85,352,356,262</b>	<b>99,823,206,611</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>1,037,014,948</b>	<b>638,338,680</b>
WAN HAI LINES LTD	714,485,376	-
Các khách hàng khác	322,529,572	638,338,680
<b>Cộng</b>	<b>1,037,014,948</b>	<b>638,338,680</b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp		Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3,006,520,044	45,993,798,259	(44,365,376,035)	4,634,942,268
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	17,303,515,206	(17,303,515,206)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	757,957,258	(757,957,258)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,782,888,987	27,078,241,175	(23,501,449,118)	10,359,681,044
Thuế thu nhập cá nhân	2,356,562,622	4,516,257,309	(5,218,332,718)	1,654,487,213
Thuế bảo vệ môi trường	-	2,450,503,600	(2,450,503,600)	-
Tiền thuê đất	-	5,549,214,678	(5,549,214,678)	-
Các loại thuế khác	-	15,000,000	(15,000,000)	-
<b>Cộng</b>	<b>12,145,971,653</b>	<b>103,664,487,485</b>	<b>(99,161,348,613)</b>	<b>16,649,110,525</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23,561,744,906	23,364,083,090
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	3,516,496,269	1,746,599,059
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>27,078,241,175</b>	<b>25,110,682,149</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10,549,642,232</b>	<b>5,859,543,849</b>
Chi phí khai thác tàu	6,565,810,752	-
Chi phí lãi vay phải trả	2,861,778,538	1,389,254,763
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,122,052,942	4,470,289,086
<b>Cộng</b>	<b>10,549,642,232</b>	<b>5,859,543,849</b>

### 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14,335,985,078</b>	<b>7,381,780,374</b>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	4,118,475,525	1,772,128,724
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	3,397,647,176	2,238,924,406
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	5,337,853,127	2,794,288,634
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	1,212,009,250	300,438,610
Thù lao HĐQT, BKS	270,000,000	276,000,000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>31,656,703,005</b>	<b>34,930,688,483</b>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	-	30,477,701
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh	-	25,898,150
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh	-	100,276,373
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	26,236,882,839	32,866,011,150
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4,294,000,000	780,000,000
Kinh phí công đoàn	354,856,428	462,357,036
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	206,411	3,273,700
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	535,811,400	418,950,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	234,945,927	243,444,373
<b>Cộng</b>	<b>45,992,688,083</b>	<b>42,312,468,857</b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>90,000,000,000</b>	<b>50,000,000,000</b>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	30,000,000,000	15,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An- phải trả về góp vốn BCC	20,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	30,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	10,000,000,000	5,000,000,000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>90,000,000,000</b>	<b>50,000,000,000</b>

Là khoản phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

## 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>22,089,932,577</b>	<b>7,861,226,074</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	-	7,861,226,074
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	8,889,932,577	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	13,200,000,000	
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>89,236,149,931</b>	<b>75,732,071,288</b>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	66,461,374,615	69,502,128,825
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	4,677,634,940	6,229,942,463
Công ty BEACON INTERMODAL LEASING	8,033,980,376	
<b>Cộng</b>	<b>111,326,082,508</b>	<b>83,593,297,362</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	7,861,226,074	75,732,071,288	83,593,297,362
Số tiền vay phát sinh trong năm	62,257,315,651	-	62,257,315,651
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	94,312,935,828	94,312,935,828
Số tiền vay đã trả trong năm	(48,028,609,148)	(80,796,286,588)	(128,824,895,736)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	(12,570,597)	(12,570,597)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22,089,932,577</b>	<b>89,236,149,931</b>	<b>111,326,082,508</b>

### 20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>348,392,350,155</i>	<i>236,959,660,829</i>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	35,221,050,000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	249,756,955,753	228,432,137,009
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii)	3,833,437,650	-
Công ty BEACON INTERMODAL LEASING	13,150,906,752	8,527,523,820
Pantos Holdings Inc	46,430,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>348,392,350,155</b>	<b>236,959,660,829</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hai An View.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container Hải An Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
  - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty
  - Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	89,236,149,931	75,732,071,288
Trên 1 năm đến 5 năm	348,392,350,155	169,325,079,429
Trên 5 năm		67,634,581,400
<b>Cộng</b>	<b>437,628,500,086</b>	<b>312,691,732,117</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	236,959,660,829	164,633,001,418
Số tiền vay phát sinh	208,452,532,223	156,487,096,900
Số tiền vay đã trả	(2,111,747,493)	(8,341,210,526)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(94,206,722,358)	(75,732,071,288)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(701,373,046)	(87,155,675)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>348,392,350,155</b>	<b>236,959,660,829</b>

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

## 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15,126,475,213	5,775,000,000	(2,920,308,000)	17,981,167,213
Quỹ Hội đồng quản trị	4,594,444,434	4,331,000,000	(1,544,800,000)	7,380,644,434
<b>Cộng</b>	<b>19,720,919,647</b>	<b>10,106,000,000</b>	<b>(4,465,108,000)</b>	<b>25,361,811,647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	179,564,070,809	188,364,837,620	262,234,132,546	1,218,676,244,219
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	121,378,387,528	11,360,142,133	132,738,529,661
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,337,000,000	(36,905,000,000)	-	(9,568,000,000)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72,314,547,000)	(14,850,000,000)	(87,164,547,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>487,827,510,000</b>	<b>115,606,612,922</b>	<b>(14,920,919,678)</b>	<b>206,901,070,809</b>	<b>200,523,678,148</b>	<b>258,744,274,679</b>	<b>1,254,682,226,880</b>
Số dư đầu năm nay	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	206,901,070,809	200,523,678,148	258,744,274,679	1,254,682,226,880
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(7,984,565,500)	-	-	-	(7,984,565,500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	138,296,287,137	8,301,462,659	146,597,749,796
Trích lập các quỹ	-	-	-	28,877,000,000	(38,983,000,000)	-	(10,106,000,000)
Trả cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47,392,798,000)	-	(47,392,798,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>487,827,510,000</b>	<b>115,606,612,922</b>	<b>(22,905,485,178)</b>	<b>235,778,070,809</b>	<b>252,444,167,285</b>	<b>267,045,737,338</b>	<b>1,335,796,613,176</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 23b. Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	487,827,510,000	487,827,510,000
Thặng dư vốn cổ phần	115,606,612,922	115,606,612,922
Cổ phiếu quỹ	(22,905,485,178)	(14,920,919,678)
<b>Cộng</b>	<b><u>580,528,637,744</u></b>	<b><u>588,513,203,244</u></b>

#### 23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48,782,751	48,782,751
- Cổ phiếu phổ thông	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,389,953	573,053
- Cổ phiếu phổ thông	1,389,953	573,053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47,392,798	48,209,698
- Cổ phiếu phổ thông	47,392,798	48,209,698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47,392,798,000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 28,877,000,000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 4,331,000,000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5,775,000,000

#### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2,086,378.02	1,844,541.81
Euro (EUR)	293.64	301.83

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	80,006,663,335	71,125,095,535
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	322,860,580,535	259,733,937,134
Doanh thu hoạt động khác	49,957,674,925	40,249,163,352
Loại trừ nội bộ	(91,102,921,297)	(69,476,838,268)
<b>Cộng</b>	<b>361,721,997,498</b>	<b>301,631,357,753</b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3,334,714,097	3,438,689,460
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	31,301,743,366	28,846,133,865
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	955,721,966	895,925,455
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)	10,541,717	241,482,819
Công ty cổ phần Logistics New Way	1,067,137,956	19,700,000

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	50,499,249,385	44,295,305,537
Giá vốn của hoạt động tàu	277,197,361,074	239,864,650,844
Giá vốn hoạt động khác	42,452,777,693	31,047,182,797
Loại trừ nội bộ	(89,037,338,619)	(69,476,838,268)
<b>Cộng</b>	<b>281,112,049,533</b>	<b>245,730,300,910</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1,226,078,294	2,282,103,005
Lãi tiền cho vay	1,824,657,534	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	44,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	666,418,151	835,607,639
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	143,714,241	(282,168,086)
<b>Cộng</b>	<b>3,860,868,220</b>	<b>2,835,586,558</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7,080,431,603	5,062,562,358
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	274,086,394	38,784,613
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(124,419,458)	(151,313,412)
<b>Cộng</b>	<b>7,230,098,539</b>	<b>4,950,033,559</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12,253,442,616	10,418,567,977
Chi phí vật liệu quản lý	355,994,571	378,128,924
Chi phí đồ dùng văn phòng	327,082,480	191,718,611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,032,480,414	1,049,201,218
Thuế, phí và lệ phí	30,206,093	22,607,000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(1,557,876)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,555,987,717	2,134,406,926
Các chi phí khác	416,245,476	5,188,908,716
<b>Cộng</b>	<b>16,971,439,367</b>	<b>19,381,981,496</b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	806,929,066
Tiền bồi thường	512,888,901	5,138,366
Xử lý công nợ	342,946	266,020,672
Thu nhập khác	3,782,381	6,022,689
<b>Cộng</b>	<b>517,014,228</b>	<b>1,084,110,793</b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	5,049,870	214,419,613
Xử lý công nợ	5,418,032	370,642,595
Chi phí khác	25,901,042	(18,180,845)
<b>Cộng</b>	<b>36,368,944</b>	<b>566,881,363</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	138,296,287,137	121,378,387,528
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(7,949,000,000)	(8,184,281,814)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	130,347,287,137	113,194,105,714
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	47,669,562	48,209,698
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2,734</b>	<b>2,348</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2020 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 11 tháng 6 năm 2020 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48,209,698	48,209,698
Ảnh hưởng của 819.900 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 5 năm 2020	(540,136)	
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>47,669,562</b>	<b>48,209,698</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn có phát sinh giao dịch không bằng tiền là giao dịch mua tài sản thông qua nghiệp vụ thuê tài chính, số tiền: 25.419.206.295 VND.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	6,159,770,900	6,966,073,643
<b>Cộng</b>	<b>6,159,770,900</b>	<b>6,966,073,643</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Logistics New Way	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i></b>		
Trả cổ tức	5,567,500,000	8,351,250,000
Chi phí thuê văn phòng	3,134,491,169	3,160,146,289
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn	1,724,840,000	2,683,290,000
Nhận vốn góp BCC	10,000,000,000	10,000,000,000
Chia lợi nhuận BCC	2,794,288,634	1,727,775,307
<b><i>Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)</i></b>		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	7,719,551,649	8,245,878,574
<b><i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i></b>		
Trả cổ tức	1,722,060,000	2,583,090,000
Nhận vốn góp BCC	15,000,000,000	10,000,000,000
HACT chia lợi nhuận		3,900,000,000
Chia lợi nhuận BCC	1,696,908,285	863,887,655
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	17,277,423,878	15,265,501,675
Nhận chia lãi	1,000,000,000	700,000,000
<b><i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ cty liên kết	31,020,000	43,636,708
<b><i>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</i></b>		



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí vận chuyển đường bộ	6,214,898,135	2,811,753,636
<b>Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh</b>		
Trà cổ tức	2,000,000,000	3,000,000,000
PAN sử dụng dịch vụ	366,303,047	2,198,803,401
<b>Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</b>		
Trà cổ tức	1,000,000,000	1,500,000,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a, V.14, V.18.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272,452,397,643	1,069,948,863,333	165,453,694,142	(316,187,752,739)	1,191,667,202,379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>272,452,397,643</b>	<b>1,069,948,863,333</b>	<b>165,453,694,142</b>	<b>(316,187,752,739)</b>	<b>1,191,667,202,379</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89,608,367,419	117,206,858,626	34,632,083,245	(2,065,582,678)	239,381,726,612
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(67,886,331,138)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					171,495,395,474
Doanh thu hoạt động tài chính					17,076,054,339
Chi phí tài chính					(24,794,595,711)
Phần lãi hoặc lỗ					5,974,682,759

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

trong công ty liên doanh, liên kết					
Thu nhập khác					1,228,908,883
Chi phí khác					(820,951,042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(23,561,744,906)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>146,597,749,796</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3,372,478,799</b>	<b>204,551,826,816</b>	<b>184,039,252,738</b>	<b>-</b>	<b>391,963,558,353</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>40,161,528,070</b>	<b>104,840,163,328</b>	<b>26,422,347,013</b>		<b>171,424,038,411</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					
<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	245,518,184,155	940,087,812,046	149,150,570,604	(225,823,517,444)	1,108,933,049,361
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>245,518,184,155</b>	<b>940,087,812,046</b>	<b>149,150,570,604</b>	<b>(225,823,517,444)</b>	<b>1,108,933,049,361</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	78,922,929,112	102,695,828,879	37,666,887,858		219,285,645,849
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(67,209,162,972)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					152,076,482,877
Doanh thu hoạt động tài chính					15,447,852,651
Chi phí tài chính					(17,355,030,825)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên					3,056,485,639

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

kết

Thu nhập khác				3,601,203,070
Chi phí khác				(724,380,661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23,364,083,090)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>132,738,529,661</b>

<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>12,680,105,846</b>	<b>158,278,047,884</b>	<b>75,485,527,886</b>	<b>246,443,681,616</b>
---	-----------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>42,823,119,031</b>	<b>91,101,183,927</b>	<b>16,543,843,107</b>	<b>150,468,146,065</b>
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------

<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
---	--	--	--	--

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	148,571,699,329	881,332,322,947	569,056,192,169	1,598,960,214,445
Tài sản phân bổ cho bộ phận				495,591,064,100
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2,094,551,278,545</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>15,063,369,736</b>	<b>355,692,882,403</b>	<b>341,686,447,953</b>	<b>712,442,700,092</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				46,311,965,277
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>758,754,665,369</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	529,040,392,576	786,540,035,431	417,256,681,039	1,732,837,109,046

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94,707,093,952
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1,827,544,202,998</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21,821,128,420	326,928,853,056	166,000,424,017	514,750,405,493
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				58,111,570,625
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>572,861,976,118</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải